

Số: 110 /BC-HĐND

Hà Quảng, ngày 05 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát tình hình quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sạch trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021

Thực hiện Chương trình công tác năm 2022; Quyết định số 50/QĐ-HĐND ngày 18/4/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về việc thành lập Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - xã hội để giám sát "tình hình quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sạch trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021"; Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân (HĐND) huyện tổ chức giám sát tình hình quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sạch trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021. Qua giám sát trực tiếp tại: Phòng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân (UBND) các xã Cần Nông, Hồng Sỹ và Thị trấn Xuân Hòa; giám sát gián tiếp thông qua báo cáo của UBND các xã, thị trấn còn lại trên địa bàn huyện. Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - xã hội HĐND huyện báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. VIỆC CHẤP HÀNH KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

1. Thành phần đoàn giám sát

- Các thành viên của đoàn giám sát tham gia đầy đủ các buổi giám sát, chấp hành tốt thời gian quy định, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tích cực tham gia phát biểu ý kiến trong thảo luận.

2. Các đơn vị chịu sự giám sát

Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện và UBND các xã, thị trấn đã xây dựng, gửi báo cáo cho Đoàn giám sát và thực hiện nghiêm túc các nội dung, chương trình làm việc của Đoàn giám sát, tham dự đầy đủ buổi giám sát, đúng thành phần theo kế hoạch giám sát; báo cáo các đơn vị cơ bản bám sát các nội dung theo đề cương, đáp ứng yêu cầu của Đoàn giám sát; tại các buổi giám sát trực tiếp các đơn vị đã trao đổi, giải trình làm rõ các ý kiến trao đổi của thành viên Đoàn giám sát, có ý kiến bổ sung, làm rõ những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế của các đơn vị theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

Tuy nhiên, một số xã nộp báo cáo chậm so với quy định, kế hoạch đề ra, báo cáo của một số xã, thị trấn chưa đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện công tác quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sạch trên địa bàn mình quản lý, nên khó khăn đến công tác tổng hợp, đánh giá toàn diện trên toàn địa bàn huyện.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Tình hình quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021

1.1. Tình hình quản lý, sử dụng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021

- Từ năm 2018 đến 2021 trên địa bàn huyện Hà Quảng có 415 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, trong đó: 20 hồ vại địa; 139 công trình cấp nước thuộc hệ tự chảy; 8 công trình thuộc hệ thống bơm dẫn; Có 248 bể công cộng.

- Tình trạng hoạt động các công trình cấp nước trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021:

+ Có 33 công trình không hoạt động chiếm 7,95% (24 công trình thuộc hệ tự chảy; 09 bể công cộng).

+ Có 51 công trình hoạt động kém hiệu quả chiếm 12,28% (33 công trình thuộc hệ tự chảy; 18 bể công cộng)

+ Có 309 công trình hoạt động bình thường chiếm 74,45%.

+ Có 22 công trình hoạt động bền vững chiếm 5,3%.

(Có các biểu tổng hợp kèm theo)

1.2. Tình hình duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021

Từ năm 2018 đến 2021 trên địa bàn toàn huyện đã đầu tư xây dựng và cải tạo sửa chữa 45 công trình nước sinh hoạt tập trung, trong đó: 16 bể nước công cộng, 29 công trình nước tự chảy và dùng máy bơm; với tổng nguồn vốn đầu tư các công trình là: 34.568.354.000 đồng.

- Năm 2018: Gồm 06 công trình (02 bể nước sinh hoạt tập trung, 04 công trình nước tự chảy); tổng vốn đầu tư là 7.871.193.000 đồng.

- Năm 2019: Gồm 15 công trình (07 bể nước tập trung, 02 công trình nước máy bơm, 06 công trình nước tự chảy); tổng vốn đầu tư là 5.739.493.000 đồng.

- Năm 2020: Gồm 21 công trình (07 bể nước tập trung, 14 công trình thuộc hệ nước bơm và tự chảy); tổng vốn đầu tư là 17.383.160.000 đồng.

- Năm 2021: Gồm 03 công trình nước tự chảy, nước sạch; tổng vốn đầu tư là 3.574.508.000 đồng.

Đến thời điểm giám sát các công trình được đầu tư xây dựng mới và cải tạo sửa chữa từ năm 2018 đến năm 2021 gồm 45 công trình vẫn còn động bình thường, có hiệu quả.

2. Kết quả giám sát trực tiếp 03 xã, thị trấn như sau

2.1. Xã Càn Nông

Trên địa bàn xã Càn Nông hiện có 11 công trình đều là các công trình nước sinh hoạt tự chảy, Trong đó: 7 công trình vẫn hoạt động bình thường (01 công trình xóm Tả Cáp chỉ phát huy được 50% công suất, do sử dụng lâu đã

xuống cấp); 04 công trình bị hỏng không hoạt động (*xóm Nà Ca 01 công trình, Tênh Quốc 02 công trình, xóm Phiêng Pán 01 công trình*).

- Năm 2019: Đoàn kinh tế Quốc phòng 799 đầu tư xây dựng công trình nước sạch tại xóm Khau Dưa.

- Năm 2020: Xây dựng công trình nước sinh hoạt tại xóm Nặm Đông 01 công trình, tổng mức đầu tư là 363.666.000 đồng, bằng nguồn vốn CTMTQG xây dựng NTM do xã làm chủ đầu tư.

Về quản lý, sử dụng bảo vệ, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt: UBND xã đã quan tâm triển khai, phổ biến văn bản các cấp liên quan công tác quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt đến người dân thực hiện; các công trình sau khi được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng được UBND xã đã bàn giao cho các xóm quản lý, vận hành, khai thác công trình; sau khi nhận quản lý, khai thác các công trình một số xóm đã thành lập tổ quản lý, vận hành công trình và ban hành quy chế hoạt động (*có 5 công trình đã thành lập được tổ quản lý, vận hành và có quy chế hoạt động*); công tác tuyên truyền đã được UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức như: lồng ghép trong các cuộc họp xóm, các cuộc sinh hoạt các hội đoàn thể xóm... ; người dân cơ bản có ý thức quản lý, sử dụng, bảo vệ các công trình, sử dụng các công trình một cách có hiệu quả.

Tuy nhiên, sau khi được UBND xã bàn giao cho các xóm quản lý, vận hành, khai thác công trình, một số công trình vẫn chưa thành lập tổ quản lý, vận hành công trình và ban hành quy chế hoạt động (*có 6 công trình chưa thành lập được tổ quản lý, vận hành và có quy chế hoạt động; các công trình đã được thành lập tổ quản lý và thành lập quy chế nhưng đã lâu chưa kịp thời kiện toàn lại làm gián đoạn trong hoạt động*) công tác tuyên truyền chưa được sâu rộng và liên tục; người dân chưa có đóng góp kinh phí để tự duy tu, sửa chữa hỏng hóc nhỏ chủ yếu trông chờ kinh phí của nhà nước, nên một số công trình sử dụng lâu đã xuống cấp không có kinh phí sửa chữa; ý thức bảo vệ nguồn nước của người dân có nơi chưa tốt; việc quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình chưa được chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

2.2. Xã Hồng Sỹ

Tổng số các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn xã Hồng Sỹ hiện nay là 32 công trình, bao gồm: 06 hồ chứa nước, 26 bể nước sinh hoạt tập trung (Trong đó có 01 hệ thống ống dẫn nước từ Tổng Cột – Sỹ Hai). Trong đó: Có 29 công trình đang hoạt động: 06 hồ chứa nước, 23 bể nước sinh hoạt tập trung “*có 28 công trình hoạt động thường xuyên, có đủ lượng nước cung cấp cho người dân sử dụng; 01 công trình hồ chứa nước Khau Sớ (xóm Lũng Bông) hoạt động kém hiệu quả, do hệ thống thu nước vào hồ không đúng nguồn nước ra*”.

- Có 03 công trình không hoạt động, gồm: 02 bể nước sinh hoạt tập trung Lũng Hóng (xóm Lũng Rầu) và Tổng Tại (xóm Sóng Giang) nước đã bị rò rỉ qua đáy bể; 01 bể nước sinh hoạt tập trung xóm Tổng Tuồng và xóm Nặm

Thuộm hệ thống dẫn nước từ hồ vào bể chứa đã xuống cấp, hư hỏng không thể dẫn nước vào bể do đã được đầu tư từ giai đoạn trước.

- Năm 2019: Được đầu tư sửa chữa hệ thống dẫn nước từ Tổng Cột – Sỹ Hai, từ nguồn vốn sự nghiệp MTQG CT135 là 40.000.000 đồng, do xã làm chủ đầu tư.

- Năm 2020: Được đầu tư cải tạo, sửa chữa bể nước sinh hoạt xóm Lũng Ngàn, tổng vốn 200.000.000 đồng từ nguồn vốn CT135, do xã làm chủ đầu tư.

Về quản lý, sử dụng bảo vệ, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt: UBND xã đã quan tâm triển khai, phổ biến văn bản các cấp liên quan công tác quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt đến người dân thực hiện; các công trình sau khi được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng được UBND xã đã bàn giao cho các xóm quản lý, vận hành, khai thác công trình; sau khi nhận quản lý, khai thác các công trình các xóm đã thành lập tổ quản lý, vận hành công trình và ban hành quy chế hoạt động đã thành lập được 08 tổ/ 08 xóm, quản lý 32 công trình do Trưởng xóm làm tổ trưởng; công tác tuyên truyền đã được UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức như: lồng ghép trong các cuộc họp xóm, các cuộc sinh hoạt các hội đoàn thể xóm... người dân cơ bản có ý thức quản lý, sử dụng, bảo vệ các công trình, sử dụng các công trình một cách có hiệu quả.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền chưa được sâu rộng và liên tục; người dân chưa có đóng góp kinh phí để tự duy tu, sửa chữa hỏng hóc nhỏ chủ yếu trông chờ kinh phí của nhà nước, nên một số công trình sử dụng lâu đã xuống cấp không có kinh phí sửa chữa; việc quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình chưa được chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

2.3. Thị trấn Xuân Hòa

Trên địa bàn thị trấn Xuân Hòa hiện nay có 11 công trình nước sinh hoạt, trong đó: có 08 công trình vẫn đang hoạt động, nhưng chỉ còn phục vụ được một nhóm hộ nhất định vì công trình đã xuống cấp, nguồn nước không đáp ứng theo công suất thiết kế ban đầu; 03 công trình đã hỏng không còn hoạt động (Nước sinh hoạt: Nà Chang, Nà Vạc 1, Nà Vạc 2). Có 10 công trình được bàn giao cho xóm quản lý, vận hành không thu tiền.

Về quản lý, sử dụng bảo vệ, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt: UBND thị trấn đã quan tâm triển khai, phổ biến văn bản các cấp liên quan công tác quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt đến người dân thực hiện; công tác tuyên truyền đã được UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức như: lồng ghép trong các cuộc họp xóm, các cuộc sinh hoạt các hội đoàn thể xóm...

Tuy nhiên, các công trình được bàn giao cho xóm, tổ dân phố quản lý nhưng không thành lập các tổ quản lý, vận hành; không có quy chế hoạt động, vận hành các công trình nên việc quản lý sử dụng, khai thác công trình chưa được chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; các công trình hỏng hóc nhỏ chưa được sửa chữa kịp thời do không có kinh phí; công tác duy tu, bảo dưỡng chưa được thường xuyên dẫn đến công trình xuống cấp, hiệu quả sử dụng chưa cao.

Có 01 công trình nước sạch cung cấp cho trung tâm thị trấn Xuân Hòa giao cho Hợp tác xã VSMT và nước sạch thị trấn Xuân Hòa quản lý, vận hành cung cấp nước, có thu tiền theo quy định và thường xuyên tự bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống công trình; hiện nay công trình vẫn đang hoạt động, nhưng số hộ dân sử dụng rất ít, chủ yếu cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, hiện nay chỉ còn trên 40 hộ dân đã sử dụng nguồn nước từ công trình này.

Hiện nay có một cá nhân trên địa bàn thị trấn Xuân Hòa tự đầu tư khai thác bơm nước cung cấp cho một hộ dân khu vực thị trấn Xuân Hòa có thu tiền sử dụng nước, nhưng chưa xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền, chưa đăng ký và chưa được cấp phép kinh doanh theo quy định.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến 2021 đã được các cấp các ngành quan tâm, triển khai thực hiện. UBND các xã, thị trấn, Phòng NN và PTNT huyện đã kịp thời tham mưu cho UBND huyện triển khai, thực hiện các văn bản cấp trên liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện¹; kịp thời tham mưu cho UBND huyện xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc quản lý, sử dụng nước sinh hoạt trên địa bàn²; tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định trong quản lý, sử dụng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện; phòng NN và PTNT đã ban hành văn bản chỉ đạo và hướng dẫn chi tiết cho các xã thành lập Ban Quản lý nước, Tổ Quản lý nước, ban hành quy chế, phân công

¹ Luật số 17/2012/QH13 của Quốc hội về Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg, ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 3570/QĐ-BNN-HTQT, ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục các tiểu dự án cấp nước sinh hoạt bổ sung, sử dụng vốn kết dư thuộc dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc”; Quyết định số 3271/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021 của Bộ NN và PTNT Quyết định về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng, vùng núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu;

- Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

- Quyết định số 480/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành quy định về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng Quyết định phê duyệt dự án Cấp nước sinh hoạt một số xã vùng cao tỉnh Cao Bằng.

² Từ 2018 đến 2021 UBND và các cơ quan chuyên môn của huyện đã ban hành 15 văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện liên quan công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ công trình nước sinh hoạt; trong đó, ban hành 03 Kế hoạch thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn, thiếu nước, thực hiện dự án cấp nước sinh hoạt vùng Lục khu huyện; ban hành 12 công văn hướng dẫn với nội dung: Thành lập, củng cố hội đồng nước; quản lý, quy chế vận hành khai thác, bảo vệ các công trình nước sinh hoạt; đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phòng chống hạn hán thiếu nước; đề xuất nhu cầu đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn huyện; đảm bảo nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt.

nhiệm vụ để khai thác có hiệu quả công năng các công trình nước sinh hoạt; hướng dẫn UBND các xã, thị trấn, các Hợp tác xã xây dựng giá thu tiền sử dụng nước đảm bảo theo đúng quy định.

Đa số các xóm, các công trình trên địa bàn toàn huyện đã thành lập Tổ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng công trình và đã có quy chế vận hành; các xã, thị trấn đã áp dụng nhiều hình thức quản lý, khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt, các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn nhìn chung cơ bản hoạt động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân địa phương; các công trình nước sinh hoạt được đầu tư xây dựng đã làm thay đổi đời sống của người dân vùng khan hiếm nước, giải quyết được một phần nước sinh hoạt của đồng bào vùng cao; nâng tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt ở vùng cao so với trước những năm 2018 đã tăng từ mức 45 lít/người/ngày đêm tăng lên 47 lít/người/ngày đêm năm 2021. Trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng từ 89,56% (năm 2018) tăng lên 90,5% (năm 2021); tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt 24,7% (năm 2021). Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh từ 80,7% năm 2018 tăng lên 88,7% (năm 2021), góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được còn một số tồn tại, hạn chế như: Công tác tuyên truyền các cơ chế, chính sách pháp luật của Nhà nước đến người dân còn hạn chế, chưa được thường xuyên, liên tục; công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện có lúc chưa sâu sát, chưa quyết liệt; công tác quản lý sử dụng công trình sau đầu tư của một số công trình kém hiệu quả; công tác sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình chủ yếu trông chờ vào Nhà nước, chưa huy động được người dân đóng góp kinh phí để sửa chữa nhỏ (như thay van xả nước, gãy, hỏng nút nổi...); công tác quản lý, vận hành các công trình còn nhiều bất cập, không thống nhất; một số người dân chưa có ý thức trong công tác bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước, một số nơi còn sử dụng thuốc diệt cỏ gần đầu nguồn nước; một số xóm, tổ dân phố chưa thành lập Tổ quản lý, khai thác, vận hành các công trình nước sinh hoạt sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng; công tác kiện toàn Tổ quản lý, vận hành công trình một số xóm, tổ dân phố chưa kịp thời; một số xóm, tổ dân phố chưa có quy chế hoạt động; một số Tổ đã được thành lập, kiện toàn nhưng hoạt động chưa hiệu quả; hàng năm chưa có kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng các công trình nên nhiều công trình hiện nay đã xuống cấp trầm trọng và không sử dụng được. Còn xảy ra tình trạng cá nhân tự ý kinh doanh, khai thác nguồn nước trái quy định trên địa bàn.

3. Nguyên nhân

Cấp ủy, chính quyền một số xã, thị trấn chưa thật sự vào cuộc chỉ đạo quyết liệt trong công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn; do tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn nên việc huy động đóng góp kinh phí để sửa chữa nhỏ các công trình nước sinh hoạt chưa thực hiện được; công tác quản lý, vận hành còn nhiều bất cập, chưa được chính quyền địa phương và người dân quan

tâm đúng mức; một số người dân chưa có ý thức trong công tác bảo vệ sử dụng nguồn nước; một số công trình như hồ vãi địa, bể nước phụ thuộc vào mực nước ngầm, lượng nước mưa hàng năm, bể thu đầu nguồn xây dựng không đúng vị trí nguồn nước ra nên chưa phát huy hết hiệu quả công trình; một số công trình đã sử dụng lâu năm, không được bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên nên đã xuống cấp; dẫn đến một số công trình hoạt động kém hiệu quả, nhiều công trình đã xuống cấp trầm trọng và ngưng hoạt động; hàng năm nguồn kinh phí bố trí cho công tác duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện rất hạn chế; công tác quản lý, khai thác tài nguyên nước đôi lúc chưa được chặt chẽ.

IV. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Hàng năm tiếp tục phân bổ kinh phí đầu tư, xây dựng mới các công trình bể chứa nước công cộng, bể vuông gia đình đối với vùng cao thiếu nước và các công trình cấp nước thuộc hệ tự chảy trên địa bàn huyện.

- Hàng năm bố trí nguồn kinh phí cải tạo, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn huyện.

2. Ủy ban nhân dân huyện

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn, tổng hợp các công trình cần cải tạo, sửa chữa; hàng năm cần bố trí kinh phí để cải tạo, sửa chữa các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn để đảm bảo cung cấp nước cho người dân; các công trình bị hư hỏng do thiên tai hàng năm cần bố trí nguồn kinh phí dự phòng để khắc phục kịp thời để công trình được đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn rà soát kịp thành lập, kiện toàn các tổ quản lý, khai thác, vận hành các công trình nước sinh hoạt, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng quy chế quản lý, vận hành các công trình đảm bảo phù hợp, phát huy hiệu quả sử dụng các công trình trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường phối hợp với UBND thị trấn Xuân Hòa triển khai kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh và hướng dẫn các hộ tư nhân tự khai thác, kinh doanh cấp nước sinh hoạt có thu tiền trên địa bàn chưa xin phép và không có giấy phép thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan công tác quản lý, bảo vệ, duy tu bảo dưỡng công trình nước sinh hoạt đến mọi người dân.

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát về quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn để kịp thời có các giải pháp khắc phục những bất cập trong quản lý, khai thác, vận hành các công trình nước sinh hoạt.

- Tham mưu cho UBND huyện phối hợp với UBND xã, thị trấn rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng tình hình quản lý, khai thác, vận hành các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn, trên cơ sở đó có phương án, giải pháp chỉ đạo thống nhất trong công tác quản lý, khai thác, vận hành sử dụng có hiệu quả các công trình.

- Tham mưu cho UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các xã thành lập, kiện toàn tổ quản lý, khai thác, vận hành công trình nước sinh hoạt và hướng dẫn xây dựng quy chế hoạt động đảm bảo phù hợp, thống nhất.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chỉ đạo các xóm có công trình nước sinh hoạt tập trung thành lập tổ quản lý, xây dựng quy chế vận hành công trình đối với các công trình; đối với các công trình, đã thành lập tổ và đã xây dựng quy chế, thì cần kịp thời kiện toàn và rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, khai thác, vận hành cho phù hợp tình hình, điều kiện địa phương để phát huy hiệu quả sử dụng các công trình.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nhân dân tham gia bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác công trình nước sinh hoạt; vận động nhân dân trong vùng hưởng lợi từ các công trình cấp nước sinh hoạt tham gia phát quang, sửa chữa đường ống, cụm đầu mối, bể lọc nước... để đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt; tuyên truyền người dân không sử dụng phun thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu gần đầu nguồn nước.

- Tuyên truyền, vận động các xóm, Tổ quản lý, vận hành công trình thống nhất hàng năm căn huy động xã hội hóa đóng góp từ các hộ sử dụng nước để có kinh phí kịp thời sửa chữa nhỏ các công trình nước sinh hoạt xóm, Tổ quản lý.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, ảnh hưởng, lấn chiếm công trình nước sinh hoạt; trường hợp tư nhân khai thác, kinh doanh trái phép báo cáo ngành chức năng, phối hợp giải quyết, xử lý theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát tình hình quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình nước sạch trên địa bàn huyện từ năm 2018 đến năm 2021, của Đoàn giám sát Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện Hà Quảng./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban thường trực UBMTTQ huyện;
- Lãnh đạo Ban Pháp chế HĐND huyện;
- Thành viên Ban KT-XH HĐND huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Phòng NN & PTNT; phòng TN và MT huyện;
- LĐ và CV Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VP, Ban KTXH.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



**TRƯỞNG BAN KT - XH
Lãnh Văn Dâu**



BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG

(Kèm theo Báo cáo số: 10 /BC-HDND, ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Đoàn giám sát Ban KT - XH)

STT	Tên xã	Tổng số công trình (công trình)	Tổng Số công trình hoạt động bền vững (công trình)	Tổng số công trình hoạt động bình thường (công trình)	Tổng số công trình Hoạt động kém hiệu quả (công trình)	Tổng số công trình Hoạt động không Hoạt động (công trình)	Ghi chú
1	Xã Ngọc Đào	20		8	5	7	
2	TT. Xuân Hoà	11		2	6	3	
3	Xã Trường Hà	16		6	8	2	
4	Xã Sóc Hà	10		5	1	4	
5	Xã Quý Quan	6		2	4		
6	Xã Lũng Nặm	19		15		4	
7	Xã Cải Viên	68	4	60	4		
8	Xã Thượng Thôn	45	3	31	10	1	
9	Xã Nội Thôn	30	1	28	1		
10	Xã Tổng Cốt	25	2	23			
11	Xã Mã Ba	33	4	26		3	
12	Xã Hồng Sỹ	32	6	22	1	3	
13	TT. Thông Nông	2	2				
14	Xã Ngọc Động	20		15	3	2	
15	Xã Lương Thông	11		11			
16	Xã Lương Can	5		5			
17	Xã Yên Sơn	3		2	1		
18	Xã Thanh Long	13		9	2	2	
19	Xã Càn Yên	17		17			

20	Xã Đa Thông	18	18			
21	Xã Càn Nông	11	4	5	2	
Tổng		415	22	309	51	33



BIỂU TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT ĐƯỢC ĐẦU TƯ, CẢI TẠO, SỬA CHỮA TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG

(Kèm theo Báo cáo số: 110 /BC-HĐND, ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Đoàn giám sát Ban KT - XH)

Sst	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đơn vị chủ Đầu tư	Tổng mức đầu tư (đồng)	Nguồn vốn	Tình trạng hoạt động	Nguyên nhân (nếu không hoạt động được hoặc hoạt động kém hiệu quả)	Ghi chú
1	2	3	5	4	5	6	7	8
1	NĂM 2018			7,871,193,000				6
1	Bể nước sinh hoạt cộng đồng xóm Cả Tiêng xã Nội Thôn	Xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	709,350,000	Nguồn vốn Chương trình 135	Bình thường		
2	Cải tạo công trình cấp nước sinh hoạt xã Lương Can, xã Ngọc Đông, huyện Thông, tỉnh Cao Bằng	xã Lương Can xã Ngọc Đông	Trung tâm nước sạch tỉnh Cao Bằng	3,425,415,000	Chương trình "mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn ngân hàng thế giới	Bình thường		
3	Công trình n ước sinh hoạt Tân Phung, xã Thanh Long, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	987,948,000	Nguồn vốn NS Trung ương hỗ trợ thực hiện CT MTQG giảm nghèo bền vững CT135 GD 2018-2020 và các nguồn vốn khác	Bình thường		
4	Công trình n ước sinh hoạt Bản Tầu, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	693,026,000	Nguồn vốn NS Trung ương hỗ trợ thực hiện CT MTQG giảm nghèo bền vững CT135 GD 2018-2020 và các nguồn vốn khác	Hoạt động kém hiệu quả	Nguồn nước không đảm bảo cấp nước lấy chung nguồn với nước sản xuất	
5	Cải tạo sửa chữa đường nước sinh hoạt Nà Pàng – Chợ Cũ xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	301,037,000	Nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG XD NTM	Bình thường		

6	Xây mới Bể nước sinh hoạt tập trung các xóm xã Lương Thông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Lương Thông	UBND xã	1.754,417,000	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững - Chương trình 135	Bình thường		
II	NĂM 2019			5,739,493,000				15
1	Bể nước sinh hoạt xóm Lũng Xuân xã Nội Thôn	Xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	1,499,858,000	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững NQ 30a	Bình thường		
2	Cải tạo, sửa chữa hệ thống đường ống NSH xóm Phía Viên	Xã Đa Thông	Phòng Dân tộc	395,779,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
3	Cải tạo, sửa chữa NSH xóm Nà Xo	Xã Vị Quang	Phòng Dân tộc	456,086,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
4	Hệ thống nước tự chảy Chợ Năm Nhũng, xã Lũng Năm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xã Lũng Năm	UBND xã	312,500,000	CT MTQG XD Nông thôn mới (vốn dự phòng trung hạn 2016-2020)	Bình thường		
5	Bể nước cộng đồng xóm Kéo Hai, xã Lũng Năm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xã Lũng Năm	UBND xã	312,000,000	CT MTQG XD Nông thôn mới (vốn dự phòng trung hạn 2016-2020)	Bình thường		
6	Nước sinh hoạt Nà Phạc, xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	319,000,000	Nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG XD NTM	Bình thường		
7	Nước sinh hoạt xóm Bó Rằng, xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	318,815,000	Nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình	Bình thường		
8	Công trình nước sinh hoạt Nà So xã Vị Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Vị Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Vị Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	500,000,000	Nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG XD NTM	Bình thường		

9	Công trình nước sinh hoạt Lũng Chi xã Vĩ Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Vĩ Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Vĩ Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	319,000,000	Nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG XD NTM	Bình thường		
10	Cải tạo bể và thay đường ống dẫn nước xóm Nặm Đin, xã Vân An, huyện Hà Quảng	Xã Vân An	UBND xã	50,000,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
11	Công trình bể chứa nước sinh hoạt Lũng Tãi	Xã Cải Viên	UBND xã	706,350,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
12	Sửa chữa nước sinh hoạt Nà Pja, Nà Tiều, xã Lương Can, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	xã Lương Can	UBND xã	497,105,000	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng NTM	Bình thường		
13	Sửa chữa hệ thống dẫn nước từ Tổng Cột-Sỹ Hai	Xã Hồng Sỹ	UBND xã	40,000,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
14	Cải tạo, sửa chữa bể nước sinh hoạt xóm Nặm Giắt, xã Thượng Thôn	xã Thượng Thôn	UBND xã	6,800,000	Nguồn vốn chương trình 135	Bình thường		
15	Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung xóm Tây Trên	xã Thượng Thôn	UBND xã	6,200,000		Bình thường		
III	NĂM 2020		UBND xã	17,383,160,000				21
1	Cải tạo, sửa chữa NSH Lũng Nhùng	Xã Ngọc Động	Phòng Dân tộc	456,086,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
2	Cải tạo, sửa chữa NSH Bó Rọc	Xã Yên Sơn	Phòng Dân tộc	428,000,000	Nguồn sự nghiệp MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)	Bình thường		
3	Nước sinh hoạt tập trung xóm Ban Hoàng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Trường Hà, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	1,000,000,000	Đầu tư cơ sở hạ tầng An toàn khu	Bình thường		
4	Bể nước xóm Rằng Rưng xã Kéo Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Kéo Yên, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	733,333,000	Đầu tư cơ sở hạ tầng An toàn khu	Bình thường		

5	Bể nước sinh hoạt xóm Lũng Ái, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	1,505,999,000	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững NQ 30a	Bình thường		
6	Bể nước sinh hoạt cộng đồng xóm Cà Rẻ xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	904,000,000	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững NQ 30a	Bình thường		
7	Bể nước sinh hoạt cộng đồng xóm Rải Tổng xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	1,004,000,000	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững NQ 30a	Bình thường		
8	Nước sinh hoạt trung tâm xã Sỹ Hai, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Sỹ Hai, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	1,205,866,000	Nguồn vốn Chương trình 135	Bình thường		
9	Nước sinh hoạt trung tâm xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	1,560,573,000	Nguồn vốn Chương trình 135	Bình thường		
10	Bể nước sinh hoạt tập trung các xóm chưa có bể nước xã Vân Đình, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vân Đình, huyện Hà Quảng	Ban QLDA DT&XD huyện Hà Quảng	700,000,000	Vốn TPCP thực hiện CT MTQG về xây dựng nông thôn mới	Bình thường		
11	Hệ thống nước tự chảy Chợ Nặm Nhũng, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục: Bể chứa nước)	xã Lũng Nặm	UBND xã	92,905,000	CT MTQG xây dựng nông thôn mới (vốn QĐ 1385, cơ chế 161)	Bình thường		
12	Nước sinh hoạt tập trung các xóm xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Cản Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	2,030,000,000	Nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG XD NTM	Bình thường		
13	Cải tạo nâng cấp đường dẫn nước sinh hoạt xóm Cha Vạc- Năm Dìn, xã Vân An, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vân An	UBND xã	1,843,200,000	CSSP	Bình thường		
14	Bể chứa nước xóm Chông Mạ	xã Cải Viên	UBND xã	707,000,000	Nguồn vốn Chương trình 135	Bình thường		
15	Cải tạo, sửa chữa nước sinh hoạt xóm Cốc Sâu, xã Trường Hà	xã Trường Hà	UBND xã	357,000,000	Nguồn vốn chương NTM	Bình thường		

16	Cải tạo, sửa chữa bể nước sinh hoạt xóm Lũng Ngần, xã Hồng Sỹ	Xã Hồng Sỹ	UBND xã	200,000,000	Nguồn vốn Chương trình 135	Bình thường		
17	Công trình: Nước sạch Lũng Rỳ, xóm Nặm Đông, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng	xã Cản Nông	UBND xã Cản Nông	363,666,000	Chương trình MTQG XDNTM	Bình thường		
18	Cải tạo, sửa chữa nước sinh hoạt xóm Găng Thượng, xã Thanh Long, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.	xã Thanh Long	Phòng Nông nghiệp & PTNT	599,907,000	Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020	Bình thường		
19	Cải tạo, sửa chữa nước sinh hoạt xóm Lũng Khinh xã Thanh Long	xã Thanh Long	Phòng Nông nghiệp	499,999,000	Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020	Bình thường		
20	Cải tạo, sửa chữa nước sinh hoạt xóm Lũng Lạn, xã Thanh Long	xã Thanh Long	Phòng Nông nghiệp	300,000,000	Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020	Bình thường		
21	Cải tạo, sửa chữa nước sinh hoạt xóm Lũng Pèò – Nà Ke, xã Lương Thông	xã Lương Thông	Phòng Nông nghiệp	891,626,000	Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020	Bình thường		
IV	NĂM 2021			3,574,508,000				3
1	Xây dựng công trình nước sạch cho người dân thiếu nước sinh hoạt tại Bó Mọc xóm Phiêng Pục	xã Ngọc Động	Ban quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển huyện Hà Quảng	438,500,000	Tổ chức AAV	Bình thường		
2	Hệ thống dẫn nước tự chảy từ xóm Cả Giếng xuống xóm Cả Giông và khu vực trung tâm xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xã Lũng Nặm	UBND xã	1,500,000,000	Vốn CSSP	Bình thường		
3	Nước sinh hoạt Pắc Cỏ-Lũng Sỹ xóm Rắc Rầy xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xã Lương Thông	UBND xã	1,636,008,000	Nguồn vốn Ifat	Bình thường		
Tổng				34,568,354,000				45